



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200453688 ngày 2 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 2 tháng 7 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên (<i>từ ngày 23/3/2015</i>)
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (<i>từ ngày 23/3/2015</i>)
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên (<i>từ ngày 23/3/2015</i>)
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên (<i>từ ngày 23/3/2015</i>)
Ông Lương Hoài Trân	Thành viên (<i>đến ngày 22/3/2015</i>)
Ông Chada Gurudas Rajiv	Thành viên (<i>đến ngày 22/3/2015</i>)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính (<i>từ ngày 25/3/2015</i>)
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (<i>từ ngày 25/3/2015</i>)
	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 24/3/2015</i>)
Ông Hoàng Trọng Giang	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 24/3/2015</i>)
Ông Lương Hoài Trân	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 24/3/2015</i>)

Trụ sở đăng ký Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định pháp lý có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2015

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345
Báo cáo soát xét số: 15-02-118-b



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		522.419.246.090	480.360.425.206
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	329.001.027.287	216.024.629.908
Tiền	111		103.576.397.287	82.525.735.897
Các khoản tương đương tiền	112		225.424.630.000	133.498.894.011
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		48.403.984.011	52.105.720.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	48.403.984.011	52.105.720.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.842.514.218	154.266.226.423
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	81.196.159.702	93.888.427.203
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.918.294.460	49.081.186.818
Phải thu ngắn hạn khác	136		7.769.742.310	12.353.547.656
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.041.682.254)	(1.056.935.254)
Hàng tồn kho	140	8	9.229.241.802	7.338.432.080
Hàng tồn kho	141		9.229.241.802	7.338.432.080
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.942.478.772	50.625.416.795
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		877.328.970	1.139.830.264
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	12.038.290.946	45.117.515.749
Tài sản ngắn hạn khác	155		26.858.856	4.368.070.782

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.075.854.264.050	1.014.741.606.587
Tài sản cố định	220		373.399.851.886	415.333.788.789
Tài sản cố định hữu hình	221	9	362.758.483.323	404.658.535.754
<i>Nguyên giá</i>	222		737.702.630.989	758.313.070.560
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(374.944.147.666)	(353.654.534.806)
Tài sản cố định vô hình	227	10	10.641.368.563	10.675.253.035
<i>Nguyên giá</i>	228		11.691.235.603	11.691.235.603
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.049.867.040)	(1.015.982.568)
Tài sản dở dang dài hạn	240		109.010.685.456	5.652.438.424
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	109.010.685.456	5.652.438.424
Đầu tư tài chính dài hạn	250		106.544.668.002	100.330.277.837
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	106.079.668.002	99.865.277.837
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	465.000.000	465.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		486.899.058.706	493.425.101.537
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	486.899.058.706	492.789.424.037
Tài sản dài hạn khác	268		-	635.677.500
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.598.273.510.140	1.495.102.031.793

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		289.030.425.699	279.221.472.908
Nợ ngắn hạn	310		279.298.500.639	269.661.492.908
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	66.115.860.996	88.408.538.275
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.818.303.398	1.362.635.071
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	21.330.015.657	27.056.907.393
Phải trả người lao động	314		28.459.508.180	32.866.432.362
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.869.832.078	5.583.922.922
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	102.340.264.631	70.839.344.083
Vay ngắn hạn	320		-	3.893.101.980
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	50.364.715.699	39.650.610.822
Nợ dài hạn	330		9.731.925.060	9.559.980.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	471.765.060	499.100.000
Vay dài hạn	338	18	9.260.160.000	9.060.880.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.309.243.084.441	1.215.880.558.885
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.309.243.084.441	1.215.880.558.885
Vốn cổ phần	411	20	414.160.420.000	345.415.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414.160.420.000	345.415.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	37.231.904.775	37.231.904.775
Cổ phiếu quỹ	415	20	(10.396.631.245)	(10.396.631.245)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	537.563.930.272	435.340.718.031
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	173.280.839.002	250.789.157.324
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.500.472.767	2.705.531.767
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		135.780.366.235	248.083.625.557
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	19	157.402.621.637	157.500.000.000
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.598.273.510.140	1.495.102.031.793

Ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thế Trung
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:

Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	452.487.556.650	437.049.381.312
Giá vốn hàng bán	11	25	276.051.241.330	294.068.350.193
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		176.436.315.320	142.981.031.119
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.614.430.270	6.791.077.943
Chi phí tài chính	22	27	559.184.928	(320.642.190)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		162.378.528	151.720.776
Phần lãi trong công ty liên kết	24		6.214.390.165	5.842.400.000
Chi phí bán hàng	25		3.799.274.103	1.531.456.568
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		17.167.127.343	17.860.760.865
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		168.739.549.381	136.542.933.819
Thu nhập khác	31		134.655.734	959.023.557
Chi phí khác	32	28	2.239.863.399	51.390.537
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.105.207.665)	907.633.020
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		166.634.341.716	137.450.566.839
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	30.951.353.844	24.749.668.428
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		135.682.987.872	112.700.898.411
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		135.780.366.235	112.700.898.411
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(97.378.363)	-
				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.048	2.443

Ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thế Trung
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	166.634.341.716	137.450.566.839
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	32.318.452.046	34.998.462.421
Các khoản dự phòng	03	-	(476.016.522)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	77.747.733	(14.235.855)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.288.035.618)	(12.679.795.254)
Chi phí lãi vay	06	162.378.528	151.720.776
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	187.904.884.405	159.430.702.405
Biến động các khoản phải thu	09	31.423.712.205	(12.838.618.013)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.890.809.722)	(1.047.427.772)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(135.746.979)	3.773.957.027
Biến động chi phí trả trước	12	6.526.042.831	(580.013.904)
		223.828.082.740	148.738.599.743
Tiền lãi vay đã trả	14	(238.892.745)	(137.954.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.687.295.495)	(29.391.970.318)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	37.682.938.023	3.215.213.448
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.167.886.939)	(9.650.305.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	215.416.945.584	112.773.588.041

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(109.643.316.124)	(23.064.639.095)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	13.672.545.454	200.000.000
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	3.701.735.989	(36.000.000.000)
Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	22.513.330.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	7.301.653.948	7.089.367.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(84.967.380.733)	(29.256.941.610)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	4.734.715.108
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(4.734.715.108)
Tiền trả cổ tức	36	(17.473.435.325)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.473.435.325)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	112.976.129.526	83.516.646.431
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (Thuyết minh 5)	60	216.024.629.908	281.725.141.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	267.853	14.235.855
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	329.001.027.287	365.256.023.940

Ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thế Trung
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiên
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Theo Quyết định số 01-15/QĐ-TSCĐ của Tổng Giám đốc Công ty ban hành ngày 3 tháng 1 năm 2015 và Quyết định số 72/QĐ-TL ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thực hiện thanh lý các sà lan và một số rơ-mooc có giá trị còn lại là 15.901 triệu VND (Thuyết minh 9). Khoản lỗ từ hoạt động thanh lý và chi phí thanh lý trị giá 2.228 triệu VND được phản ánh trong khoản mục Chi phí khác (Thuyết minh 28).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 7 công ty con (1/1/2015: 7 công ty con) được liệt kê như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	30/6/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%	100%
Công ty TNHH Container Miền Trung	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Tuyển T.S	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	65%	65%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 3 công ty liên kết (1/1/2015: 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh số 6(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty và các công ty con có 891 nhân viên (1/1/2015: 838 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập theo phương pháp trực tiếp. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, số liệu so sánh của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và các công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các công ty con và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(r)).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 25 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 7 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 23 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 – 12 năm |

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Công ty.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.684.277.353	2.455.957.820
Tiền gửi ngân hàng	101.892.119.934	80.069.778.077
Các khoản tương đương tiền	225.424.630.000	133.498.894.011
	<hr/>	<hr/>
	329.001.027.287	216.024.629.908
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		Đã phân loại lại
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	48.403.984.011	52.105.720.000
	<hr/>	<hr/>

Giá trị hợp lý các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	30/6/2015 và 1/1/2015		Giá gốc VND
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	
Đầu tư góp vốn vào:				
• Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	Hải Phòng		49%	3.061.716.000
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	111.000	37%	12.210.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	8.820.200	22%	80.985.123.674
				96.256.839.674

Đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Đầu tư góp vốn vào:		
• Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	3.061.716.000	3.061.716.000
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	12.210.000.000	12.210.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	90.807.952.002	84.593.561.837
		99.865.277.837
		106.079.668.002

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	30/6/2015 và 1/1/2015		
		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:				
• Công ty TNHH MSC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	15%	465.000.000	-
				-

Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng chi tiết theo người mua có số dư lớn		
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	6.521.510.471	5.529.224.080
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đại lý Hàng hải Hải Phòng	6.274.217.081	5.085.099.380
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải EVERGREEN Việt Nam	9.444.424.600	10.273.389.388
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	5.681.534.239	8.283.674.547
Các khách hàng khác	53.274.473.311	64.717.039.808
	<hr/>	<hr/>
	81.196.159.702	93.888.427.203
	<hr/>	<hr/>

8. Hàng tồn kho

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	8.445.149.813	-	6.671.597.927	-
Công cụ và dụng cụ	1.225.019	-	2.533.383	-
Hàng hóa	782.866.970	-	664.300.770	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	9.229.241.802	-	7.338.432.080	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	307.762.585.560	4.211.149.618	11.206.690.164	435.132.645.218	758.313.070.560
Tăng trong kỳ	-	-	-	4.770.130.910	4.770.130.910
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.514.938.182	1.514.938.182
Thanh lý	-	-	-	(26.895.508.663)	(26.895.508.663)
Phân loại lại	-	-	860.138.008	(860.138.008)	-
Số dư cuối kỳ	307.762.585.560	4.211.149.618	12.066.828.172	413.662.067.639	737.702.630.989
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	118.380.978.700	1.662.993.426	4.128.523.135	229.482.039.545	353.654.534.806
Khấu hao trong kỳ	12.165.395.810	306.528.142	1.037.507.285	18.775.136.337	32.284.567.574
Thanh lý	-	-	-	(10.994.954.714)	(10.994.954.714)
Phân loại lại	-	-	123.567.990	(123.567.990)	-
Số dư cuối kỳ	130.546.374.510	1.969.521.568	5.289.598.410	237.138.653.178	374.944.147.666
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	189.381.606.860	2.548.156.192	7.078.167.029	205.650.605.673	404.658.535.754
Số dư cuối kỳ	177.216.211.050	2.241.628.050	6.777.229.762	176.523.414.461	362.758.483.323

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 144.124 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 109.724 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 44.369 triệu VND (1/1/2015: 47.464 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	10.546.857.273	1.144.378.330	11.691.235.603
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1.015.982.568	1.015.982.568
Khấu hao trong kỳ	-	33.884.472	33.884.472
Số dư cuối kỳ	-	1.049.867.040	1.049.867.040
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	10.546.857.273	128.395.762	10.675.253.035
Số dư cuối kỳ	10.546.857.273	94.511.290	10.641.368.563

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.652.438.424	46.743.195.461
Tăng trong kỳ	104.873.185.214	12.825.395.933
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.514.938.182)	(53.590.072.021)
Số dư cuối kỳ	109.010.685.456	5.978.519.373

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phần mềm quản lý hoạt động cảng	5.642.438.424	5.652.438.424
Cầu cảng tại Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	103.068.247.032	-
Các công trình khác	300.000.000	-
	109.010.685.456	5.652.438.424

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đặt trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	454.008.975.825	23.606.004.827	15.174.443.385	492.789.424.037
Tăng trong kỳ	502.280.000	10.465.639.733	5.040.357.350	16.008.277.083
Phân bổ trong kỳ	(1.599.869.166)	(15.340.870.033)	(4.957.903.215)	(21.898.642.414)
Số dư cuối kỳ	452.911.386.659	18.730.774.527	15.256.897.520	486.899.058.706

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	11.721.511.888	17.655.493.357
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	9.955.556.520	9.868.373.231
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	4.562.984.600	2.842.798.750
Các nhà cung cấp khác	39.875.807.988	58.041.872.937
	66.115.860.996	88.408.538.275

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	11.721.511.888	17.655.493.357

Phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.117.515.749		- (33.079.224.803)	12.038.290.946

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.892.954.643	11.992.975.126	(12.190.188.419)	1.695.741.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.768.213.812	30.951.353.844	(32.687.295.495)	15.032.272.161
Thuế thu nhập cá nhân	1.186.006.959	1.440.536.600	(2.403.724.940)	222.818.619
Các loại thuế khác	7.209.731.979	29.678.955.229	(32.509.503.681)	4.379.183.527
	27.056.907.393	74.063.820.799	(79.790.712.535)	21.330.015.657

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	-	76.514.217
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	420.000.000	-
Các khoản trích trước khác	8.449.832.078	5.507.408.705
	<hr/>	<hr/>
	8.869.832.078	5.583.922.922

16. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.972.187.603	4.562.984.983
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	285.200.000	6.300.646.340
Cổ tức phải trả	570.294.975	856.259.800
Các khoản thu hộ hãng tàu	88.030.088.382	55.980.616.643
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.482.493.671	3.138.836.317
	<hr/>	<hr/>
	102.340.264.631	70.839.344.083

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	471.765.060	499.100.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	39.650.610.822	39.279.896.437
Trích lập trong kỳ	23.881.991.816	22.864.637.509
Sử dụng trong kỳ	(13.167.886.939)	(9.650.305.517)
Số dư cuối kỳ	50.364.715.699	52.494.228.429

18. Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015	1/1/2015
				VND	VND
Khoản vay ngân hàng	USD	4%	2017	9.260.160.000	9.060.880.000

Khoản vay ngân hàng của Công ty được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 44.369 triệu VND (1/1/2015: 47.464 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	310.151.868.629	24.038.502.000	234.372.392.678	-	883.524.536.837
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	112.700.898.411	-	112.700.898.411
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	96.376.199.402	4.774.148.000	(101.150.347.402)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(22.864.637.509)	-	(22.864.637.509)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(14.323.025.000)	-	(14.323.025.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.245.000.000)	-	(1.245.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2014	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	406.528.068.031	28.812.650.000	207.490.281.178	-	957.792.772.739
Số dư tại ngày 1/1/2015 - Đã phân loại lại	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	435.340.718.031	-	250.789.157.324	157.500.000.000	1.215.880.558.885
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	135.780.366.235	(97.378.363)	135.682.987.872
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	102.223.212.241	-	(102.223.212.241)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.881.991.816)	-	(23.881.991.816)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	68.745.010.000	-	-	-	-	(85.932.480.500)	-	(17.187.470.500)
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.251.000.000)	-	(1.251.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	414.160.420.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	537.563.930.272	-	173.280.839.002	157.402.621.637	1.309.243.084.441

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	166.600	10.396.631.245	166.600	10.396.631.245
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.249.442	403.763.788.755	34.374.941	335.018.778.755

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	34.541.541	345.415.410.000	28.812.650	288.126.500.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ để trả cổ tức (Thuyết minh 21)	6.874.501	68.745.010.000	-	-
Số dư cuối kỳ	41.416.042	414.160.420.000	28.812.650	288.126.500.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Cổ tức

Ngày 23 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2014 với mức 5% mệnh giá cổ phần (500 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 17.187 triệu VND.

Ngày 23 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phần. Ngày 9 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 6.874.501 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.291.944.800	4.143.479.440
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	8.157.338.240
Sau năm năm	31.250.129.050	19.382.630.641
	<hr/>	<hr/>
	49.585.853.050	31.683.448.321
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.439.068	31.443.075.938	970.845	21.145.004.100
	<hr/>		<hr/>	

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	34.300.000.000	33.116.526.560

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	452.487.556.650	437.049.381.312

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	276.051.241.330	294.068.350.193

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	4.601.653.948	6.690.165.033
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.700.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	312.776.322	100.912.910
	7.614.430.270	6.791.077.943

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	162.378.528	151.720.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá	396.806.400	3.653.556
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	273.983.478
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	(750.000.000)
	559.184.928	(320.642.190)

28. Chi phí khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	2.228.008.495	51.390.537
Chi phí khác	11.854.904	-
	2.239.863.399	51.390.537

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	27.631.369.112	58.773.294.326
Chi phí nhân công	68.573.987.571	47.179.654.023
Chi phí khấu hao	32.318.452.046	34.998.462.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.476.930.633	136.467.815.890
Chi phí khác	26.016.903.414	36.041.340.966

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	30.652.350.235	24.972.084.282
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	299.003.609	(222.415.854)
	30.951.353.844	24.749.668.428

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	166.634.341.716	137.450.566.839
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	36.659.555.178	30.239.124.705
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi	(4.333.296.998)	(4.344.546.442)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	286.875.308	304.355.711
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(1.960.783.253)	(1.226.849.692)
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	299.003.609	(222.415.854)
	30.951.353.844	24.749.668.428

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh Xí nghiệp Cảng Viconship trong vòng 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015 - đối với cầu cảng số 2) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thông thường.

Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và 22% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Các công ty con còn lại có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi trong năm 2015 là 22% và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 41.416.042 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 - đã điều chỉnh lại: 41.249.442 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	135.780.366.235	112.700.898.411
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(9.550.000.000)	(11.940.995.908)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	126.230.366.235	100.759.902.503

(*) Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính bằng 50% mức dự kiến trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cả năm 2015. Lợi nhuận thuần phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được ước tính bằng 50% mức thực tế trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cả năm 2014. Các mức dự kiến trích lập và thực tế trích lập này được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua vào ngày 23 tháng 3 năm 2015.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	34.541.541	28.646.050
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 5 tháng 7 năm 2014	-	5.728.891
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 9 tháng 6 năm 2015	6.874.501	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	41.416.042	34.374.941

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Trong kỳ, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 21). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	34.374.941	3.279
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận thuần vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 4(r))	-	(348)
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	6.874.501	(448)
Số điều chỉnh lại	41.249.442	2.443

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai</i>		
Cung cấp dịch vụ	2.870.177.325	20.311.795
Sử dụng dịch vụ	29.450.000	779.184.000
<i>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</i>		
Sử dụng dịch vụ	35.781.575.846	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.543.294.991	1.611.065.932
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.251.000.000	1.245.000.000

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	68.745.010.000	-